TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN NINH KIỀU	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: *80/2019/DSST*
Ngày: *20/9/2019*
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà *Nguyễn Thị Tuyết Loan*

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông *Phan Công Ny*

2/ Bà *Đỗ Thị Lệ Hằng*

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà *Lê Hoàng Dung* – Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông *Hồ Giúp Đở* – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Hôm nay, ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 375/2018/TLST–DS ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 525/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Nguyên N**
Địa chỉ: 152C1/16 Nguyễn Văn C, phường K, quận K, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Trần Thanh L**
Địa chỉ: 101AC2 Tú X, phường B, quận K, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:
Ông **Đường Văn H**
Địa chỉ: 51 KDC Metro, phường L, quận K, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2015 và đơn yêu cầu bổ sung ngày 11/12/2018 nguyên đơn, ông Nguyễn Nguyên N trình bày:

Vào ngày 07/10/2013 ông Trần Thanh L có ký biên nhận vay của ông số tiền 120.000.000đồng, thời gian trả nợ theo thỏa thuận là 45 ngày kể từ ngày ký biên nhận nợ. Tuy nhiên sau thời gian 45 ngày ông L vẫn không trả nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L phải trả số tiền 120.000.000đồng và tiền lãi theo quy định, thời gian tính lãi là sau 45 ngày kể từ ngày ký biên nhận nợ đến khi xét xử. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện do ông L đã trả được 70.000.000đồng. Các yêu cầu của nguyên đơn cụ thể như sau:

- Yêu cầu Tòa án buộc ông L trả số tiền vố còn nợ 50.000.000đồng;

- Buộc ông L phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định của Ngân hàng. Cụ thể: Đối với số tiền 120.000.000đồng lãi được tính từ sau 45 kể từ ngày nhận nợ đến khi ông L trả 70.000.000đồng (từ 25/12/2013 đến 25/01/2017). Từ 26/01/2017 đến khi xét xử số tiền tính lãi là 50.000.000đồng. Mức lãi suất yêu cầu là 16,5%/năm.

Vụ kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo luật định. Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tổ chức hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn luôn vắng mặt không lý do nên việc hòa giải không thực hiện được.

Do vụ kiện không tiến hành hòa giải được nên căn cứ vào Điều 220 BLTTDS Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, buộc ông L trả số tiền 50.000.000đồng và buộc ông L phải chịu tiền lãi chậm trả, cụ thể: Đối với số tiền 120.000.000đồng lãi được tính từ sau 45 kể từ ngày nhận nợ đến khi ông L trả 70.000.000đồng (mặc dù sau 45 ngàykể từ ngày nhận nợ là ngày 21/11/2013 tuy nhiên ông N yêu cầu tính lãi từ 25/12/2013 đến 25/01/2017). Từ 26/01/2017 đến khi xét xử số tiền tính lãi là 50.000.000đồng. Mức lãi suất yêu cầu là 16,5%/năm.

Bị đơn, ông Trần Thanh L vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan, ông Đường Văn H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng tại phiên tòa đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định

của BLTTDS. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát có kiến nghị về việc đưa vụ ra xét xử quá hạn so với quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- Về nội dung: Theo biên nhận mượn tiền ngày 07/10/2013 thể hiện ông Nguyễn Nguyên N có cho ông Trần Thanh L mượn số tiền 120.000.000đồng, thời hạn thanh toán là sau 45 ngày kể từ ngày ký biên nhận mượn tiền. Theo trình bày của nguyên đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông H, cho rằng ông L mượn 120.000.000đồng từ ông N nhưng do ông N không đủ tiền nên ông N có mượn của Hà thêm 60.000.000đồngđể cho ông L mượn. Ông N và ông H cũng thống nhất số tiền cho ông L mượn là tiền của ông N. Đồng thời ông H cũng xác định số tiền 60.000.000đồng ông N mượn của ông và ông N đã trả xong. Ông N và ông H cũng thống nhất số tiền 70.000.000đồng ông L cho ông H là trả cho ông N. Do đó, số nợ còn lại ông L phải trả là 50.000.000đồng. Như vậy, ông N yêu cầu ông L số tiền 50.000.000đồng là phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên có cơ sở chấp nhận.

Do đã quá thời hạn trả nợ như đã thỏa thuận trong biên nhận kể từ ngày 21/11/2013 nhưng ông L vẫn không trả nợ, nên việc ông N yêu cầu ông L phải chịu lãi phát sinh do chậm trả theo dư nợ gốc 120.000.000đồng tính từ ngày đến hạn thanh toán là 21/11/2012 đến ngày 25/01/2017. Do ông L đã trả 70.000.000đồng đưa cho ông H, và số tiền lãi trên dư nợ gốc 50.000.000đồng từ ngày 26/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn trong các phiên hòa giải và công khai chứng cứ cũng như trong phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án xem như đã từ chối quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh theo quy định của BLTTDS nên Tòa án sẽ căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Từ những nhận định nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N về việc yêu cầu ông L trả nợ gốc 50.000.000đồng, chấp nhận một phần yêu cầu về lãi suất của ông N, mức lãi suất đề nghị là 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

Theo đơn khởi kiện và những chứng cứ có trong hồ sơ khởi kiện cho thấy nguyên đơn, ông Nguyễn Nguyên N cho rằng ông Trần Thanh L có vay của ông số tiền 120.000.000đồng, tính đến 25/01/2017 còn lại là 50.000.000đồng chưa trả. Do ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông N khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh L trả cho ông số tiền 50.000.000đồng và lãi suất chậm thanh toán theo hợp đồng vay tài sản ngày 07/10/2013. Do đó, phát sinh tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án dân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn yêu cầu ông Trần Thanh L trả cho ông số tiền nợ gốc 50.000.000đồng và tiền lãi được tính từ 25/12/2013 đến 25/01/2017, số tiền tính lãi là 120.000.000đồng. Từ 26/01/2017 đến khi xét xử số tiền tính lãi là 50.000.000đồng. Mức lãi suất yêu cầu là 16,5%/năm.

- Xét yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn:

Căn cứ vào những chứng cứ, tài kiệu do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của các đương sự trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa xác định, giữa ông Trần Thanh L và ông Nguyễn Nguyên N có xác lập quan hệ vay mượn tài sản, cụ thể là ông N có cho ông L vay số tiền 120.000.000đồng thể hiện qua biên nhận nợ ngày 07/10/2013 có chữ ký xác nhận của ông Trần Thanh L, lời khai của ông N, ông H trong quá trình giải quyết vụ án.

Đối với ông Trần Thanh L vắng mặt trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa nhưng tại đơn khiếu nại ngày 17/6/2018 ông L có thể hiện ý kiến rằng ông có giao dịch làm ăn với ông Đường Văn H và ông H chi 120.000.000đồng cho ông , có làm biên nhận, nhưng ông H không chịu đứng tên trong biên nhận mà do em của ông là ông N đứng tên dùm, ông H đã đồng ý nhận lại 100.000.000đồng, bỏ 20.000.000đồng và ông cũng đã trả số tiền này cho ông H, có kèm biên nhận ngày 25/01/2017 (bản pho to). Lời trình bày của ông L chưa có cơ sở chấp nhận, bởi chưa phù hợp với những chứng cứ khác có trong hồ sơ và lời trình bày của ông N và ông H. Ông H không thừa nhận có cho ông L vay số tiền 120.000.000đồng, ông Hà xác định có đưa cho ông N 60.000.000đồng để ông N có đủ số tiền 120.000.000đồng cho ông L vay. Ông L cho rằng ông không có vay tiền của ông N nhưng ông không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi ông N đã cung cấp biên nhận nợ ngày 07/10/2013 với nội dung ông L có nợ ông N số tiền 120.000.000đồng. Về việc ông L cho rằng ông H có hứa bỏ 20.000.000đồng, nhưng ông H xác định ông chỉ chấp nhận bỏ 20.000.000đồng khi ông L trả nợ đúng hạn. Mặt khác, việc vay mượn là giữa ông N và ông L nên cho dù ông H có hứa bỏ 20.000.000đồng thì đó là thỏa thuận giữa ông H và ông L, ông N không đồng ý với thỏa thuận này nên cũng không có cơ sở sem xét. Như vậy, việc ông N cho ông L vay 120.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về số tiền 70.000.000đồng ông L đưa ông H theo biên nhận ngày 25/01/2017. Ông H xác định có nhận số tiền này từ ông L và ông đã giao cho ông N để trừ vào số tiền ông L nợ ông N. Quá trình giải quyết ông N cũng thừa nhận đã nhận số tiền 70.000.000đồng từ ông H và ông đã trừ vào khoản tiền ông L nợ ông nên số tiền ông L còn nợ ông là 50.000.000đồng.

Từ nhưng phân tích nêu trên cho thấy, ông N yêu cầu ông L trả số tiền 50.000.000đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về yêu cầu tính lãi của ông N:

Căn cứ vào biên nhận nợ được ký kết giữa ông N và ông L cùng với lời trình bày của ông N thì giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập giao dịch dân sự về vay tài sản. Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông N yêu cầu tính lãi. Yêu cầu của ông N là phù hợp với quy định tại khoản 1Điều 357 BLTTDS 2015. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 466, khoản 2 Điều 468 BLTTDS 2015 thì mức lãi suất chậm thanh toán không được vượt quá 10%/ năm. Ông N yêu cầu mức lãi suất 16,5%/năm là vượt quá so với quy định nên không được chấp nhận phần vượt quá.

Lãi suất được tính cụ thể như sau:

Từ 25/12/2013 đến 25/01/2017, số tiền tính lãi 120.000.000đồng, mức lãi suất 10%/năm, tiền lãi là 36.852.000đồng.

Từ 26/01/2017 đến 20/9/2019, số tiền tính lãi 50.000.000đồng, mức lãi suất 10%/năm, tiền lãi là 13.210.833đồng.

Tổng số tiền lãi ông N được chấp nhận là 50.062.833đồng.

Số tiền lãi ông N không được chấp nhận yêu cầu là 30.158.333đồng.

Như vậy tổng số tiền vốn và lãi ông L phải có trách nhiệm trả cho ông N là 100.062.833đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông N được chấp nhận về việc trả nợ vốn và 01 phần nợ lãi nên ông L phải chịu án phí đối với phần ông N được chấp nhận yêu cầu. Ông N phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn, ông Trần Thanh L có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Nguyên N số tiền 100.062.833đồng (trong đó 50.000.000đồng là nợ vốn và 50.062.833đồng là nợ lãi).

- Thời gian và cách trả: Do Cơ quan thi hành án giải quyết.

- Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì bị đơn phải chịu tiền lãi tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thanh L phải chịu là 5.030.000đồng. Ông Nguyễn Nguyên N phải chịu là 1.507.916đồng. Ông N được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000đồng theo biên lai thu số 008516 ngày 24/9/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Ông N được nhận lại 1.492.084đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và thời hiệu Thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

TM. HỘI ĐỒNG XÉ XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Loan

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- THA Q. Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.